

## CHUYỂN ĐỔI NGHỀ NGHIỆP Ở MỘT SỐ XÃ NGOẠI THÀNH HÀ NỘI ĐƯỢC CHUYỂN THÀNH PHƯỜNG

TRẦN THỊ HỒNG YẾN

Việc mở rộng khu vực nội thành Hà Nội theo phương thức chuyển xã thành phường diễn ra được 14 năm - kể từ năm 1995 đang đặt ra cho các vùng quê này nhiều vấn đề phải giải quyết trên con đường phát triển. Một trong những vấn đề nổi cộm nhất hiện nay là việc *chuyển đổi nghề để mưu sinh*, khi một bộ phận lớn ruộng đất được thu hồi, khiến cho hàng nghìn hộ gia đình nông dân mất đất sản xuất.

Từ trước tới nay đã có một số công trình nghiên cứu và bài viết về vấn đề này. Nội dung chủ yếu của các công trình và bài viết đó đề cập đến thực trạng một bộ phận lớn nông dân bị mất đất dưới tác động của công nghiệp hóa và đô thị hóa, không có việc làm, không chuyển đổi được nghề, cuộc sống mưu sinh đang gặp nhiều khó khăn... Tiêu biểu là các công trình nghiên cứu: *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam hôm nay và mai sau* (Đặng Kim Sơn, 2008); *Tác động của đô thị hóa – công nghiệp hóa tới phát triển kinh tế và biến đổi văn hóa – xã hội ở tỉnh Vĩnh Phúc* (Nguyễn Ngọc Thanh, Nguyễn Thế Trường (Chủ biên), 2009), *Những biến đổi kinh tế - xã hội của hộ gia đình* (Vũ Tuấn Anh – Nguyễn Xuân Mai, 2007)... và một số bài viết đăng trong Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ ba tháng 12 năm 2008 như “*Công nghiệp hóa và*

*những biến đổi đời sống gia đình nông thôn Việt Nam*” (Hoàng Bá Thịnh); “*Những biến đổi xã hội ở nông thôn Việt Nam do quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp*”, qua tìm hiểu ở Ninh Bình (Ngô Thị Phương), “*Tác động của đô thị hóa đến hình thức tổ chức cộng đồng nông dân hiện nay*”, nghiên cứu trường hợp Hải Dương (Vũ Hào Quang)... Song các công trình nói trên chủ yếu tiếp cận dưới góc độ xã hội học và tập trung đề cập đến đô thị hóa ở những tỉnh, những xã ở ngoại vi Hà Nội, nơi có nhiều các khu công nghiệp, các doanh nghiệp và một bộ phận cư dân địa phương đã được tuyển vào làm ở đó. Trong các nghiên cứu trên, chuyển đổi nghề nghiệp mới chỉ được đề cập đến như một phần nhỏ của toàn bộ công trình, do vậy chưa được nghiên cứu thấu đáo.

Nhìn chung các nghiên cứu về chuyển đổi nghề nghiệp ở những làng đô thị hóa thành phường (là địa bàn có đặc thù riêng không có khu công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp... nơi có thể tuyển dụng lao động của địa phương), hầu như chưa được đề cập nhiều ngoài một vài nghiên cứu như *Báo cáo tổng hợp đề tài nghiên cứu, điều tra quá trình đô thị hoá từ làng - xã thành phường của Hà Nội, những tồn tại và các giải pháp khắc phục* do UBND thành phố Hà Nội, Sở Khoa học công nghệ và môi trường thực

hiện dưới góc độ quản lý hành chính (UBND thành phố Hà Nội, 2001); “*Tác động của công nghiệp hóa và đô thị hóa đến sinh kế nông dân Việt Nam: trường hợp một làng ven đô*” (Nguyễn Văn Sửu, trong Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ ba, tháng 8 năm 2008)... Vậy những cộng đồng cư dân từ xã chuyển thành phường đã ứng phó như thế nào để chuyển đổi nghề khi mất đất nông nghiệp? Nghiên cứu nhân học của tôi sẽ góp phần làm sáng tỏ vấn đề này.

Bài viết này nghiên cứu vấn đề đặt ra ở hai điểm cụ thể: một làng bị mất đất nông nghiệp hoàn toàn, còn một làng chỉ bị mất một phần đất canh tác.

### 1. Vài nét về địa bàn nghiên cứu

Trung Kính Thượng (làng Thượng) vốn là một trong ba thôn của xã Trung Hòa, huyện Từ Liêm; sau khi thực hiện Nghị định 74/CP ngày 22/11/1996 về việc thành lập hai quận Thanh Xuân và Cầu Giấy, trở thành cụm dân cư số 3 thuộc phường Trung Hòa (quận Cầu Giấy).

Làng Nhật Tân (cũng là một xã) của huyện Từ Liêm; sau khi thực hiện Nghị định 69/CP ngày 28/10/1995 về việc thành lập quận Tây Hồ trở thành phường Nhật Tân của quận này và được chia thành 5 cụm dân cư.

Trước và trong khi được chuyển thành các khu dân cư đô thị, hai làng có một số đặc điểm nổi bật sau:

- Đầu là các làng nặng tính thuần nông (Trung Kính Thượng nổi tiếng về thâm canh lúa, Nhật Tân nổi tiếng về trồng đào). Đặc điểm này khiến cho việc chuyển đổi nghề nghiệp của cư dân khi bị mất đất gặp rất nhiều khó khăn.

- Khi được chuyển thành khu dân cư đô thị, một bộ phận lớn ruộng đất nông nghiệp được thu hồi để xây các khu đô thị mới, các trung tâm thương mại lớn và cả khu trung tâm hành chính quận..., không có các dự án xây dựng nhà máy, xí nghiệp - nơi được hy vọng giải quyết công ăn việc làm cho những lao động mất đất.

Tuy nhiên, hai làng cũng có những *nét khác biệt* sau:

*Thứ nhất, về vị trí địa lý*, tuy cũng là các xã của huyện Từ Liêm cũ, nhưng Trung Hòa nằm ở phía Tây nội thành; khởi đầu đường Láng - Hòa Lạc, sau khi có quyết định mở rộng thành phố về phía Tây, xã này cùng các xã Yên Hòa, Nhân Chính trở thành “phần trọng yếu” của quận Cầu Giấy. Làng Trung Kính Thượng nhanh chóng trở thành “ốc đảo” giữa hàng trăm tòa nhà cao tầng của những khu đô thị mới đông dân như: Nam Trung Yên, Trung Hòa - Nhân Chính..., các khu thương mại sầm uất (Siêu thị Big C, Khách sạn Quốc tế năm sao, các nhà hàng lớn như Vân Nam, My Way, Loterry...) và các trường đại học (Đại học Luật, Học viện Hành chính quốc gia, Đại học Lao động xã hội...). Thêm vào đó, các con đường hiện đại Phạm Hùng, Trần Duy Hưng, Lê Văn Lương... được mở, tạo điều kiện để mở mang các hoạt động thương mại, dịch vụ, giao lưu, tiếp xúc văn hóa đô thị.

Trong khi đó, Nhật Tân là dải đất kẹp giữa sông Hồng và hồ Tây, phía Bắc nội thành; vốn là vùng du lịch và nghỉ dưỡng nổi tiếng nên đô thị hóa diễn ra theo hướng khác: vắng bóng các trường đại học hay siêu thị lớn; các khu đô thị, các tòa nhà cao ốc cũng thưa thớt. Các khu đô thị lớn như

Xiputra, Vườn Đào lại có thiết kế tương đối biệt lập hay cũng vắng vẻ người ở.

*Thứ hai*, trong quá trình đô thị hóa, Trung Kính Thượng cùng các thôn khác trong xã Trung Hòa mất toàn bộ phần ruộng đất cấy lúa (131,9 ha), người nông dân hoàn toàn không còn đất sản xuất, sau đó không còn “dính dáng” gì đến nông nghiệp nữa; trong khi Nhật Tân là làng ven sông Hồng chỉ mất phần ruộng đất cấy lúa, trồng đào trong đồng (toàn bộ 30 ha đất đồng); phần đất bãi ngoài đê còn tương đối lớn (131,7 ha), nên kinh tế nông nghiệp vẫn đóng vai trò chủ yếu trong phần lớn các hộ gia đình ở đây. Họ vẫn là những người nông dân thực thụ.

Ruộng đất bị thu hồi ảnh hưởng trực tiếp đến 1.726 lao động nông nghiệp của xã Trung Hòa, 1.297 lao động nông nghiệp của xã Nhật Tân.

Hai đặc điểm trên đó ảnh hưởng lớn đến sự chuyển đổi nghề nghiệp của cư dân.

## 2. Chuyển đổi nghề nghiệp

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp là nguyên nhân dẫn đến nông dân phải chuyển đổi nghề.

*2.1. Chủ trương của nhà nước, lời hứa của các doanh nghiệp lấy đất và kết quả thực hiện*

Để giúp nông dân chuyển đổi nghề, bên cạnh số tiền đền bù đất, hoa màu, Nhà nước có chính sách hỗ trợ chuyển nghề với mức tiền 25.000 đồng/m<sup>2</sup> (giá của những năm 1996-1997), tương đương 9 triệu/sào. Tuy nhiên, số tiền trên là rất thấp, không sát thực tế.

UNND thành phố Hà Nội còn qui định, những doanh nghiệp đóng trên địa bàn phải có trách nhiệm giải quyết công ăn việc làm cho người mất đất; ưu tiên họ được tham gia các hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại các khu đô thị (Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Mai, 2007, tr. 39).

Chỉ đạo trên của thành phố Hà Nội không có tính thực tiễn, bởi ở hầu hết các khu đô thị mới, sau khi xây dựng xong, các tập đoàn xây dựng đều lập ra những Công ty dịch vụ để quản lý, điều hành hoạt động của các tòa nhà. Tầng 1 để cho thuê cửa hàng, cửa hiệu, văn phòng... Đối tượng thuê là các ngân hàng, siêu thị, các hãng dịch vụ có tên tuổi... với giá cho thuê rất cao, từ 40 đến 50 USD/m<sup>2</sup> sàn. Những người nông dân với số vốn ít ỏi hoặc không có vốn, lại không có trình độ văn hóa và kỹ năng kinh doanh nên không thể “*chen chân*” vào kinh doanh ở đây. Hy vọng của họ xin vào làm các công việc giản đơn cho Công ty dịch vụ cũng không dễ dàng thực hiện được.

*Một vài ví dụ:*

- Vinaconex, một tập đoàn lớn trong ngành xây dựng, là chủ đầu tư của dự án Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính nằm trên đất nông nghiệp của làng Thượng. Trước khi lấy 29 ha đất của làng, Tập đoàn này cam kết giải quyết việc làm cho lao động địa phương; song chỉ có một số lao động (nam giới) được nhận vào làm công nhân xây dựng ở một số công ty con. Chỉ sau một thời gian ngắn, do làm việc vất vả, lại hay phải di chuyển xa theo các công trình, tiền lương thấp, nên họ lần lượt bỏ nghề.

- Tương tự, Vinasinco, một công ty con của Vinaconex, hoạt động trong lĩnh vực

quản lý, cho thuê và cung cấp dịch vụ cho khu đô thị mới, song 250 nhân viên bảo vệ, 200 nhân viên vệ sinh môi trường trong tổng số 500 nhân viên đều là người nhà của các lãnh đạo công ty. Vì thế ước mơ có việc làm của các lao động làng Trung Kính Thượng thật xa vời.

- Siêu thị Big C có đội ngũ nhân viên lên tới hàng nghìn người, nhưng không có một lao động nào của xã Trung Hòa được tuyển vào. Nguyên nhân là do lao động địa phương không có trình độ nghiệp vụ phù hợp như: thu ngân, kế toán, tiếp thị, quản lý cửa hàng...

- Ở phường Nhật Tân cũng tương tự. Công ty Công viên nước Hồ Tây đã tiếp nhận khoảng 10 thanh niên vào làm các việc: nam thanh niên thì trông giữ xe, bảo hộ cầu trượt nước; nữ thì dọn vệ sinh, bán hàng dịch vụ. Tuy nhiên, chỉ sau vài tháng, tất cả số lao động trên đều bỏ việc. Phía Công ty cho rằng, số lao động này không đáp ứng những nhu cầu làm việc. Còn các lao động lại cho rằng, công việc ở cầu trượt nước, dọn vệ sinh quá vất vả, suốt ngày dầm nước, đội nắng, đồng lương không đáng là bao; việc bán hàng tuy nhàn hạ hơn nhưng họ lại không biết tiếng Anh nên bị sa thải; những người bảo vệ, trông giữ xe cũng dễ xảy ra mất mát, dẫn tới bị đuổi việc.

Tình trạng trên phản ánh một thực tế: các công ty chưa hề có chiến lược rõ ràng khi tiếp nhận các lao động địa phương. Về phía người lao động, trình độ văn hóa, trình độ nghề nghiệp, tác phong lao động công nghiệp còn kém, chưa qua trường lớp đào tạo. Những công việc họ làm chủ yếu là những công việc phổ thông giản đơn với mức lương “bèo bọt” nên dẫn đến bỏ việc.

Gần đây, UBND thành phố Hà Nội cũng đã có quyết định số 276/QĐ - UBND ngày 22/12/2008 về việc thành lập quỹ hỗ trợ ổn định đời sống, học tập, đào tạo nghề và việc làm cho các hộ dân bị thu hồi trên 30% diện tích đất sản xuất nông nghiệp, bao gồm các hạng mục hỗ trợ học tập, đào tạo nghề, cấp thẻ bảo hiểm y tế, trợ cấp khó khăn. Tuy nhiên, quyết định này cũng còn một số hạn chế như một số trường hợp thật sự gặp khó khăn chưa nhận được hỗ trợ; mức hỗ trợ được quy định rất thấp, ví dụ: học sinh tiểu học chỉ được hỗ trợ 20.000 đồng/năm, trong khi chi riêng đầu các năm học, một học sinh đã phải đóng từ 500.000 đến 600.000 đồng... Trên thực tế, số lao động được hưởng sự hỗ trợ này cũng không nhiều<sup>1</sup> và cả hai làng Nhật Tân, Trung Kính Thượng cũng không thuộc diện được nhận sự hỗ trợ này vì đất của họ bị thu hồi trước ngày 1/7/2009 trong khi QĐ của UBND TP chỉ áp dụng với những trường hợp có thời điểm thu hồi đất sau thời gian nói trên.

Về phía chính quyền địa phương cũng rất cố gắng trong việc tạo lập công ăn việc làm cho các lao động mất đất:

- Các quận đã mở các lớp đào tạo nghề cho những lao động mất đất như nấu ăn, trang điểm, làm đầu, cắm hoa... Tuy nhiên các nghề này không đáp ứng với yêu cầu của các công ty, doanh nghiệp địa phương. Sau khi học xong, học viên rất khó kiếm sống bằng nghề.

<sup>1</sup> Quận Long Biên có 53 học sinh được hỗ trợ học văn hóa, 24 người được cấp thẻ học nghề, 45 người được cấp thẻ bảo hiểm y tế; huyện Từ Liêm có 4 người được cấp thẻ học nghề, 5 người được cấp thẻ bảo hiểm y tế; quận Hà Đông có 8 học sinh hỗ trợ học văn hóa, 11 người được cấp thẻ học nghề, 5 người được cấp thẻ bảo hiểm y tế...

- Trong thẩm quyền và năng lực của mình, các phường đã mở một số chợ mới, giới thiệu việc làm cho một số lao động, tuy nhiên việc làm này không hiệu quả do phần lớn các lao động bỏ việc.

Ở Trung Hòa, chợ tạm đã giải quyết gần 500 lao động địa phương, trong đó làng Thượng có 250 lao động được phân chỗ bán hàng. Tuy nhiên, chỉ một thời gian ngắn, họ đã bán lại (bán đứt) hoặc cho thuê lại chứ không trực tiếp kinh doanh mà nguyên nhân chính là họ không biết buôn bán.

Chợ mới Nhật Tân cũng được xây dựng, giải quyết công ăn việc làm cho hàng trăm lao động, tuy nhiên tình trạng tương tự cũng xảy ra như ở làng Thượng.

- Ngoài ra, phường Nhật Tân còn giới thiệu cho một số lao động vào làm việc ở Công ty may xuất khẩu, Trường tư thục Hoa

Sữa, và một số công việc thời vụ khác... Tuy nhiên, số lao động này cũng không nhiều.

## 2.2. Ứng phó của người nông dân mất đất

### 2.2.1. Cho thuê nhà trọ (làng Trung Kính Thượng)

Trung Kính Thượng ở gần nhiều trường đại học, nên nhu cầu nhà trọ cho sinh viên rất lớn. Nắm bắt được nhu cầu này, nhiều gia đình đã dùng ngôi nhà ngang hoặc xây mới những dãy nhà cấp 4 để cho thuê. Giá thuê tùy thời điểm, từ 500.000 đến 800.000 đồng/phòng/tháng (năm 2008). Một số ít gia đình có đất rộng, có đến vài chục phòng cho thuê, thu nhập tới vài chục triệu đồng. Do thu nhập cho thuê phòng khá ổn định, có hộ gia đình đã chuyển sang xây nhà trọ cao 3 - 4 tầng để nâng số phòng, tăng lợi nhuận (Bảng 1)<sup>2</sup>.

Bảng 1: Tình hình cho thuê nhà trọ tại làng Thượng (không bao gồm khu mới giãn dân) tháng 6 năm 2008

STT	Tổ	Tổng số hộ gia đình	Tổng số hộ cho thuê trọ (hộ)	Chia ra			Số lượng phòng trọ ước tính (phòng)	Số hộ bên ngoài mua đất ở tại làng (hộ)
				Hộ có >10 phòng	Hộ có 5-10 phòng	Hộ có < 5 phòng		
1	19	70	31	3	8	20	150	25
2	20	90	25	1	4	20	100	13
3	21	80	18	0	3	15	70	9
4	25	73	25	0	7	18	110	5
5	26	84	30	3	5	22	135	8
<i>Tổng</i>		<i>397</i>	<i>129</i>	<i>7</i>	<i>27</i>	<i>95</i>	<i>565</i>	<i>60</i>

Nguồn: Điều tra của Trần Thị Hồng Yến, tháng 6 năm 2008.

<sup>2</sup> Bảng 1 không bao hàm những hộ vừa ở vừa cho thuê trọ ngay trong chính ngôi nhà của mình.

Như vậy, 1/3 số hộ dân có thu nhập từ nghề cho thuê nhà trọ với số tiền trung bình khoảng dăm ba triệu đồng một tháng, giúp các gia đình sống tạm thời ổn định trong giai đoạn trước mắt. Tất cả mọi chi tiêu của các hộ gia đình từ điện, nước, ăn uống, tiền đóng học cho con, hiếu, hỷ... đều trông vào tiền cho thuê nhà trọ.

Với nghề mới cho thuê nhà trọ, toàn bộ dáng vẻ, kết cấu của làng xã cũ bị phá vỡ: sân, vườn, ao biến mất nhường chỗ cho những ngôi nhà cao tầng chủ yếu là nhà ống và nhà trọ. Một mô hình cư trú mới xuất hiện trong khuôn viên cũ của phần lớn các gia đình: *nhà ở + nhà trọ*. Một số gia đình đất ở chật hẹp, không xây được nhà trọ riêng, để có nguồn sống, họ chỉ ở tầng 1, dành những tầng trên cho sinh viên thuê trọ. Cả chủ nhà và người đến trọ cùng ở và sinh hoạt chung trong một ngôi nhà.

Nghề cho thuê nhà trọ cũng có những khó khăn nhất định, nhất là tìm được đối tượng tốt để cho thuê. Nếu gặp phải đối tượng xấu, dễ bị trộm cắp hoặc “xù” tiền phòng. Đôi khi không tìm được ngay đối tượng thuê, phòng bỏ trống hàng tháng, giảm thu nhập. Bên cạnh đó, sống chung với người thuê trọ, họ phải chịu đựng những sinh hoạt ồn ã của sinh viên, hoặc những lối sống không lành mạnh.

### 2.2.2. Cho thuê cửa hàng kinh doanh

Ở những con phố lớn bao quanh làng Trung Kính Thượng như Nguyễn Thị Định, Nguyễn Ngọc Vũ... có khoảng vài chục hộ gia đình sinh sống. Các hộ này bán đất ở trong làng, thậm chí dùng số đồ thể chấp

ngân hàng để có tiền xây dựng nhà, cửa hàng, cửa hiệu để cho thuê.

Sau khi hoàn thành, chủ nhà thường cho thuê cả ngôi nhà 4 - 5 tầng hoặc toàn bộ tầng dưới với giá từ vài triệu đến vài chục triệu đồng/tháng. Người đến thuê chủ yếu từ các tỉnh khác, họ mở những hàng ăn sang trọng, văn phòng đại diện, ngân hàng, nhà nghỉ... Tiền thuê thường phải trả trước trong thời hạn từ vài tháng đến vài năm. Nhờ đó chủ nhà nhận được một số tiền lớn từ vài chục triệu đến hàng vài trăm triệu đồng để thu hồi vốn. Đây là cách làm tương đối phổ biến của những nông dân mất đất.

Ở trong làng có vô vàn cửa hàng nhỏ, chủ yếu buôn bán vật, hàng ăn sáng, tạp phẩm... thu nhập của mỗi cửa hàng khoảng từ một đến vài triệu đồng/tháng. Người kinh doanh phần lớn là người làng và một số từ nơi khác đến thuê (Bảng 2).

Trong tổng số 140 hộ kinh doanh, có 124 hộ có 1 cửa hàng, thu nhập từ 2 đến 4 triệu đồng/tháng; 14 hộ có 2 cửa hàng thu nhập từ 3 đến 5 triệu đồng/tháng và 2 hộ có 3 cửa hàng, thu nhập từ 5 đến 7 triệu đồng/tháng.

Mật độ cửa hàng cửa hiệu dày đặc trong làng cho thấy mạng lưới dịch vụ ở đây rất phong phú để phục vụ một khối lượng cư dân vượt quá “sức chứa” của một làng truyền thống (3.037 nhân khẩu)<sup>3</sup>, bao gồm người dân địa phương và dân tạm trú, sống và sinh hoạt trong một khu làng cũ chật hẹp.

<sup>3</sup> Dân số làng Thượng tháng 4 năm 2008 do Công an phường Trung Hòa cung cấp.

Bảng 2: Cửa hàng kinh doanh tại làng Trung Kính Thượng, tháng 6 năm 2008

Đơn vị: Cửa hàng

STT	Mặt hàng kinh doanh	Số lượng cửa hàng	Chia ra		
			Gia đình tự kinh doanh	Cho người làng thuê	Cho người nơi khác thuê
1	Ăn uống, thực phẩm	61	37	3	21
2	Tạp phẩm	16	11	3	2
3	Vật liệu xây dựng	16	3	1	12
4	May mặc, quần áo	10	2	1	7
5	Nhà nghỉ	10	3	0	7
6	Cắt tóc, gội đầu	9	2	0	7
7	Rửa và sửa chữa xe máy	5	5	0	0
8	Internet, tin học	6	2	0	4
9	Cho các công ty thuê	6	0	0	6
10	Bán gas và bếp ga	3	1	0	2
11	Buru điện	1	0		1
12	Cho thuê truyện	2	1	0	1
13	Bắt động sản	2	0	0	2
14	Hiệu thuốc	3	1	0	2
15	Phô tô	2	1	0	1
16	Cầm đồ	1	0	0	1
17	Chụp ảnh	1	0	0	1
18	Chữa răng	1	0	1	0
19	Nhà trẻ tư	1	0	0	1
20	Chữa điện thoại	2	2	0	0
Tổng		158	71	9	78
Tỷ lệ (%)		100	44, 93	5, 70	49, 37

Nguồn: Điều tra của Trần Thị Hồng Yến, 2008.

Mặt khác, các mặt hàng kinh doanh đa dạng, phong phú đã phản ánh nhu cầu tiêu dùng, mức sống của cộng đồng cư dân khi đô thị hóa. Nhìn chung, tất cả các cửa hàng như Internet, gội đầu - cắt tóc, gas và bếp ga, chữa răng, bưu điện báo chí, chụp ảnh... mới chỉ xuất hiện trong thời gian gần đây, sau khi xã chuyển thành phường. Sự biến chuyển từ một cộng đồng cư dân nông nghiệp sang cụm cư dân đô thị đã cho phép người dân hưởng thụ lối sống của cư dân đô thị.

Tóm lại, cho thuê nhà trọ, mở cửa hàng là sản phẩm của thời kỳ quá độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo con đường hành chính. Việc mất đất sản xuất nông nghiệp khiến cho người nông dân không thể tự chuyển đổi được nghề phải kiếm sống bằng cách cho thuê nhà trọ và kinh doanh dịch vụ (dựa vào nguồn đất ở), không có sự lựa chọn nào khác. Nghề này không chỉ xuất hiện ở làng Thượng mà có *tính đặc trưng chung* cho những làng đô thị hóa ven đô như: Đình Thôn, Phú Đô, Phú Mỹ... (Mỹ Đình), Trung Kính Thượng, Trung Kính Hạ, Dịch Vọng..., nơi có nhiều trường đại học và lao động ngoại tỉnh sinh sống.

Để có được nguồn sống, các làng xã này đã phải đánh đổi môi trường sống trong lành, yên tĩnh trước đây bằng sự ồn ào, phức tạp, quá tải của những người đến thuê trọ và cả sự xuống cấp của hệ thống cơ sở hạ tầng và quan trọng hơn là tính cộng đồng làng xóm truyền thống bị suy giảm nghiêm trọng. Cho thuê nhà trọ quả là con đường “tự cứu” một cách tự phát của người dân trong những lúc khó khăn tưởng chừng như không vượt qua nổi.

### 2.5. Cố giữ nghề nông (làng Nhật Tân)

Khác với làng Thượng, việc chuyển nghề của Nhật Tân chịu tác động ảnh hưởng bởi những đặc thù riêng của địa phương. Đó là:

+ Đô thị hóa diễn ra chưa mạnh, không có những khu thương mại sầm uất, khu đô thị, trường đại học... đông dân, nên *không có nhu cầu về thị trường cho thuê nhà trọ; kinh doanh thương mại còn chưa phát triển.*

+ Diện tích đất ở của các hộ dân rất chật hẹp do lịch sử để lại. Thêm vào đó, suốt từ năm 1977 trở đi, các gia đình không được cấp đất giãn dân. Đất ở vốn đã rất chật hẹp, lại phải chia cho con cái trưởng thành nên càng chật hẹp hơn.

+ Dân làng có nghề trồng đào nổi tiếng từ xưa. Khi mất đất nông nghiệp, cũng là mất nguồn sống chính. Tuy nằm liền kề với phường Quảng An, một địa bàn có tới hơn 50% số hộ dân sống bằng nghề cho người nước ngoài thuê nhà, với mức thu nhập cao lên tới hàng ngàn đô la/hộ/tháng, nhưng Nhật Tân lại không có khả năng chuyển sang cho thuê nhà trọ, kinh doanh dịch vụ, buôn bán nhỏ.

Trong tình hình trên, phân đất bãi ven sông còn lại trở thành “*cứu cánh*” cho các hộ gia đình. Đây cũng là nguyên nhân lý giải vì sao nghề nông lại có sức sống mãnh liệt trên vùng đất này.

Khi nghề trồng đào Nhật Tân tưởng chừng như đã đến “hồi kết” và toàn bộ đất trồng đào trong đồng đã bị thu hồi để xây các khu đô thị và trung tâm hành chính quận Tây Hồ thì sức sống “bản năng” của làng đào lại trỗi dậy. Đất bãi trước đây chỉ trồng được màu, chất đất cát không thích hợp với cây đào, đến mùa nước lên, thường bị ngập, không sống nổi, một số gia đình đã quyết tâm “đưa đào ra bãi”.

Họ đã làm được một việc phi thường: lấy tiền đền bù đất và vay thêm ngân hàng, mua hàng ngàn, hàng vạn gạch, xây thành

bờ bao xung quanh rồi mua đất thịt ở nơi khác chở về tôn cao mặt đất bãi lên từ 2 đến 3m để trồng đào. Tính trung bình, một sào đất tôn cao chi phí khoảng 70 - 80 triệu đồng - một số tiền rất lớn đối với nhà nông.

Từ năm 2000 đến năm 2009, diện tích trồng đào dần được mở rộng lên tới hơn 40 ha đất bãi. Tất cả các hộ gia đình đều chuyển từ trồng màu sang trồng đào theo cách trên. Cây đào đã tìm lại vị trí quan trọng trong đời sống kinh tế của người dân.

Bên cạnh trồng đào ngoài bãi, để tăng thêm diện tích, vào khoảng tháng Bảy, người dân còn đánh đào ra trồng ở chậu, đôn, rồi đem ra đặt ở hai ven đường Lạc Long Quân và những khu đất dự án bỏ hoang.

Một số người khác lại phát triển cây đào theo hướng mới. Họ đem kinh nghiệm trồng đào của mình đi tìm mảnh đất khác ở các vùng ngoại thành, các tỉnh kề cận... phối hợp với nông dân nơi khác để trồng đào. Họ chịu trách nhiệm về kỹ thuật trồng và chăm sóc đào, còn người dân địa phương chịu chi phí sản xuất. Tiền lãi từ thu hoạch từ trồng đào được chia theo thỏa thuận của hai bên.

Do giữ được nghề trồng đào nên làng Nhật Tân vẫn bảo lưu những giá trị của một làng nông. Tuy đã hơn 10 năm xã chuyển thành phường nhưng mọi sinh hoạt của làng xã vẫn diễn ra theo thói quen trước đây. Từ 6 đến 7 giờ sáng, mọi người đã ra bãi trồng đào, làm rau màu... chỉ còn lại người già và trẻ nhỏ ở nhà. Công việc chính là trồng đào, gánh đất, gánh phân, làm cỏ, bắt sâu, tưới cho đào... Mãi đến trưa, họ về nghỉ ngơi, rồi chiều lại tiếp tục công việc đồng áng cho đến tận tối mịt mới về nhà. Quanh năm suốt tháng hầu như không có lúc nào nghỉ ngơi.

Thu nhập từ nghề trồng đào rất lớn. Theo số liệu thống kê năm 2008 của HTX Nông nghiệp dịch vụ tổng hợp Nhật Tân, giá trị thu nhập bình quân đào cành đạt tới hơn 300 triệu đồng/ha, bình quân đào thế đạt 1 tỉ đồng/ha.

Tổng kết năm 2008 có khoảng hơn 30 hộ gia đình có thu nhập từ 200 triệu đến gần tỉ đồng từ nghề trồng đào như gia đình ông Trần Tuấn Việt, tổ 2, cụm 1 chỉ với diện tích 1.310 m<sup>2</sup> (gần 4 sào), trồng đào thế cho thu nhập 820 triệu đồng/năm; gia đình ông Nguyễn Văn Thủy tổ 27 cụm 4 thu nhập 800 triệu đồng từ đào/năm<sup>4</sup>...

Nhật Tân đã may mắn giữ lại được nghề trồng đào là một kết cục tốt đẹp do ý chí *sáng tạo* của người dân, song quan trọng hơn có lẽ là do người dân không còn lối thoát nào khác, muốn tồn tại, phải bám chặt lấy cây đào, bám chặt lấy nghề nông.

### 3. Kết luận

Thực tế chuyển đổi nghề ở hai làng Trung Kính Thượng và Nhật Tân cho thấy:

- Khả năng chuyển đổi nghề của người nông dân là rất thấp. Hầu như họ không tự chuyển đổi được nghề. Nguyên nhân chính là do *họ chưa được chuẩn bị chuyển đổi về mặt con người lao động* khi phải chuyển sang môi trường sống mới, nên khả năng thích ứng là rất kém. Số liệu thống kê của Cục HTX và Phát triển nông thôn cho thấy, có 67% số hộ vẫn phải quay lại với nghề nông, chỉ có 13% có nghề mới ổn định (Lưu Đức Khải - Hà Huy Ngọc, 2008, tr. 18).

Kết quả nghiên cứu ở làng Thượng cho thấy, trình độ văn hóa của các lao động đã được nâng cao sau hơn 10 năm chuyển

<sup>4</sup> Số liệu HTX Nông nghiệp dịch vụ tổng hợp Nhật Tân, 2009.

thành phường: 34,2% tốt nghiệp phổ thông trung học; 23,7% tốt nghiệp đại học và cao đẳng<sup>5</sup>, nhưng cho tới nay để tìm được một công việc lâu dài ổn định cũng rất khó khăn. Một số lao động phổ thông được chính quyền và các doanh nghiệp tạo công ăn việc làm như phân các ki-ốt bán hàng ở các chợ, tuyển vào làm nhân viên ở một số công ty... nhưng kết cục là họ lại bán hết ki-ốt, bỏ các công ty... Thực tế này cho thấy, người nông dân vẫn chỉ quen với lối sống, suy nghĩ, tác phong cũ và quen với công việc nhà nông trước đây, chưa quen với cuộc sống mới.

- Cho thuê nhà trọ ở Trung Kính Thượng và trồng đào trên đất bãi ở Nhật Tân là kết quả ứng phó của nông dân trước thực trạng mất ruộng đất sản xuất. Từ hai hướng chuyển đổi nghề ở hai làng nói trên cho thấy ba yếu tố: *đất nông nghiệp, đất ở và việc sử dụng vốn (tiền đền bù) có mối liên hệ mật thiết với nhau*. Khi đất nông nghiệp, tư liệu sản xuất quan trọng của nông dân bị mất đi thì lập tức các yếu tố khác bị biến đổi theo.

Ở làng Trung Kính Thượng và một số làng xã khác ven đô, khi mất toàn bộ diện tích đất nông nghiệp, một hệ quả kéo theo ngay sau đó là tiền đền bù đất nhanh chóng “đội nón” ra đi, đất ở bị “xẻ” ra để bán vô tội vạ với mục đích chi tiêu (như xây nhà, làm vốn cho con, mua sắm...), tiền đầu tư để chuyển đổi nghề mới không đáng kể. Ở một số nơi khác như làng Lai Xá (xã Kim Chung, huyện Hoài Đức), ngoài tiền đền bù đất, người dân có diện tích đất thu hồi được phân thêm 10% đất dịch vụ để tự chuyển đổi nghề, song nhiều nông dân cũng bán hết cả phần đất dịch vụ.

Trong khi đó ở Nhật Tân, còn một phần đất nông nghiệp, tiền đền bù đất lập tức được đầu tư vào đất bãi, tình trạng bán đất ở

rất hãn hữu. Như vậy, khi có nghề, đồng tiền sẽ được sử dụng hiệu quả và tình trạng bán đất ở sẽ ít đi.

Đôi chiếu với thực tế, Nghị định 69/2009/CP vừa ra, có hiệu lực từ ngày 1/10/2009 mới chỉ chú trọng nâng cao tiền đền bù đất, hỗ trợ cấp đất cho nông dân *chưa chú trọng đến xây dựng các trung tâm dạy nghề trước khi lấy đất, chưa có các chính sách đào tạo, thu nhận nông dân vùng mất đất tạo điều kiện cho họ công ăn việc làm trên chính địa phương mình*, do đó chưa giải quyết được cốt lõi của vấn đề.

Từ đó cho thấy yếu tố quan trọng để giúp nông dân chuyển đổi nghề là phải tạo cho họ thành người có nghề chứ không phải chỉ chú trọng vào giá tiền đền bù, tuy điều này cũng rất cần thiết. Để người dân có công ăn việc làm khi mất đất, trong tương lai phải qui hoạch những nơi sẽ chuyển đổi đất; chuyển đổi người lao động trước khi chuyển đổi đất. Điều đó đòi hỏi vấn đề đào tạo nguồn nhân lực, đào tạo nghề sát với thực tế, để cung cấp cho thị trường công nghiệp hóa những lao động có chất lượng, có tay nghề.

Từ thực tế nghiên cứu ở hai làng nói trên cũng đặt ra câu hỏi: Liệu có cần phải chuyển đổi đất ở những vùng ven đô trong khi kinh tế nông nghiệp đang mang lại thành quả tốt cho nông dân, nhất là những làng đặc thù mang tính chất phục vụ nội đô? Liệu có nhất thiết phải phá bỏ *những làng có thể mạnh về nông nghiệp*, cho thu nhập cao, để xây dựng những tòa nhà bê tông cho việc di dân; và rồi phải giải quyết hàng loạt các vấn đề hậu mất đất cho nông dân, để đổi lấy một xã hội bất ổn khi nhiều lao động không có việc làm?

Trong khi nền nông nghiệp ở một số nơi đang phân đầu đạt 50 triệu đồng/ha/năm,

<sup>5</sup> Số liệu thống kê năm 2008 của Trần Thị Hồng Yến.

thì ở Nhật Tân, ngay từ cuối những năm 90 khi chuyển lên phường, với cây đào, thu nhập đã đạt ngưỡng này<sup>6</sup>. Ngày nay, mức thu nhập còn cao hơn trước kia rất nhiều. Còn ở làng lúa, làng rau Trung Kính Thượng, thu nhập từ nghề nông cũng đã mang lại một cuộc sống no đủ và ổn định. Hàng năm, làng cung cấp cho thành phố hàng nghìn tấn gạo ngon, hàng trăm tấn thịt lợn và rau xanh (Ban chấp hành Đảng bộ phường Trung Hòa, 2005, tr. 106).

Nên chăng trước khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chuyển đổi nghề cho nông dân, cần phải có bản qui hoạch tổng thể thế mạnh từng vùng rồi mới tính đến qui hoạch sử dụng đất để không mất đi những làng lúa, làng hoa ven đô, đã từng mang lại cảnh đẹp sinh thái, một nét văn hóa rất riêng, đã đi vào thơ ca và âm nhạc.

Cuối cùng, liệu sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa có thể thành công đích thực khi vấn đề chất lượng nguồn nhân lực tại chỗ, chất lượng cư dân đô thị không được chú ý nâng cao mà chỉ chú ý về bề nổi là xây những khu đô thị hiện đại và số lượng những doanh nghiệp đầu tư nước ngoài? Câu hỏi này cần có nghiên cứu để giải đáp.

### Tài liệu tham khảo

1. Vũ Tuấn Anh – Nguyễn Xuân Mai (2007), *Những biến đổi kinh tế – xã hội của hộ gia đình*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Ban chấp hành Đảng bộ phường Trung Hòa (2005), *Lịch sử cách mạng Đảng bộ và nhân dân phường Trung Hòa (1930 - 2004)*, Nxb Hà Nội.
3. Đảng ủy - Hội đồng nhân dân - UBND phường Nhật Tân (2004), *Lịch sử cách mạng phường Nhật Tân*, Nxb Hà Nội.

<sup>6</sup> Theo “Báo cáo Tổng kết năm 1996 và nhiệm vụ năm 1997” của UBND phường Nhật Tân, tr. 2, Hoa tươi năm 1996 cho thu nhập 1,8 triệu đồng/sào.

4. Lưu Đức Khải - Hà Huy Ngọc (2008), “Đời sống sinh kế và thu nhập của người nông dân bị thu hồi đất nông nghiệp”, *Tạp chí Nghiên cứu phát triển bền vững*, Viện Nghiên cứu môi trường và phát triển bền vững.

5. Ngô Thị Phương (2008), “Những biến đổi xã hội ở nông thôn Việt Nam do quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp”, *Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ ba: Việt Nam hội nhập và phát triển*, tháng 8/2008.

6. Vũ Hào Quang (2008), “Tác động của đô thị hóa đến hình thức tổ chức cộng đồng nông dân hiện nay”, *Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ ba: Việt Nam hội nhập và phát triển*, tháng 8/2008.

7. Đặng Kim Sơn (2008), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam hôm nay và mai sau*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

8. Nguyễn Văn Sửu (2008), “Tác động của công nghiệp hóa và đô thị hóa đến sinh kế nông dân Việt Nam: trường hợp một làng ven đô”, *Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ ba: Việt Nam hội nhập và phát triển*, tháng 8/2008.

9. Nguyễn Ngọc Thanh - Nguyễn Thế Trường (2009), *Tác động của đô thị hóa - công nghiệp hóa tới phát triển kinh tế và biến đổi văn hóa - xã hội ở tỉnh Vĩnh Phúc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

10. Hoàng Bá Thịnh (2008), “Công nghiệp hóa và biến đổi đời sống gia đình nông thôn Việt Nam”, *Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ ba: Việt Nam hội nhập và phát triển*, tháng 8/2008.

11. UBND thành phố Hà Nội, Sở Khoa học công nghệ và môi trường (2001), *Báo cáo tổng hợp đề tài nghiên cứu, điều tra quá trình đô thị hoá từ làng - xã thành phường của Hà Nội, những tồn tại và các giải pháp khắc phục*, UBND thành phố Hà Nội.